

**TÔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*  
*đã được kiểm toán*



## MỤC LỤC

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 3
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	4
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	5 – 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 41

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 20 Tòa nhà Handico Tower, Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Lương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Kiên	Ủy viên	
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên	
Ông Vũ Đức Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Kiên	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2019
Ông Hồ Thái Dương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019
Bà Lê Thị Ngọc	Kế toán trưởng	

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên



Số: 53./2020/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, được lập ngày 09 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Nguyễn Hải Linh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

**Kiểm toán viên**



**Mai Văn Công**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.087.671.979.873</b>	<b>1.032.497.294.748</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>166.630.847.514</b>	<b>201.907.664.470</b>
1.	Tiền	111		135.490.847.514	103.678.114.513
2.	Các khoản tương đương tiền	112		31.140.000.000	98.229.549.957
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>56.335.865.129</b>	<b>19.861.460.588</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		56.335.865.129	19.861.460.588
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>672.912.193.785</b>	<b>643.028.903.508</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	434.474.037.476	407.995.838.916
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	313.595.730.807	309.948.622.670
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	3.437.147.853
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	74.830.003.916	70.302.246.653
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(149.987.578.413)	(148.654.952.584)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>155.950.601.646</b>	<b>140.412.565.987</b>
1.	Hàng tồn kho	141		155.950.601.646	140.412.565.987
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.842.471.798</b>	<b>27.286.700.195</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	414.534.978	261.501.224
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.596.095.718	15.549.966.065
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	11.831.841.102	11.475.232.906
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>266.760.716.194</b>	<b>246.554.140.153</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>32.704.115.233</b>	<b>17.857.011.738</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	32.704.115.233	17.857.011.738
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.572.150.563</b>	<b>42.930.347.384</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	37.572.150.563	42.930.347.384
	- Nguyên giá	222		174.972.309.896	176.645.420.995
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(137.400.159.333)	(133.715.073.611)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
	- Nguyên giá	228		225.470.000	225.470.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225.470.000)	(225.470.000)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>208.000.000</b>	<b>308.973.510</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		208.000.000	308.973.510
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>189.662.924.451</b>	<b>177.024.689.727</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		182.991.548.501	170.353.313.777
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.671.375.950	6.671.375.950
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.613.525.947</b>	<b>8.433.117.794</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.065.391.952	7.490.749.158
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		548.133.995	942.368.636
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.354.432.696.067</b>	<b>1.279.051.434.901</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>809.672.043.731</b>	<b>749.183.180.125</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>761.355.158.392</b>	<b>704.484.139.448</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	311.496.178.012	289.202.105.007
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	251.173.331.231	245.562.801.169
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	8.594.728.733	6.653.400.991
4.	Phải trả người lao động	314		7.124.755.819	10.116.129.848
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.017.058.958	14.991.026.792
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	1.020.474.798	995.037.855
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	68.489.881.475	75.496.703.934
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	103.734.009.344	56.602.414.829
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.704.740.023	4.864.519.023
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.316.885.339</b>	<b>44.699.040.677</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	44.925.903.177	41.688.549.125
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	3.378.333.345	2.992.783.208
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		12.648.817	17.708.344
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>544.760.652.336</b>	<b>529.868.254.776</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>544.760.652.336</b>	<b>529.868.254.776</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(543.000.000)	(543.000.000)
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		119.179	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		21.547.355.137	21.539.797.489
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.952.951.962	26.089.328.254
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		26.081.770.606	24.996.345.040
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		17.871.181.356	1.092.983.214
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.097.549.513	11.076.452.488
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.354.432.696.067</b>	<b>1.279.051.434.901</b>

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>784.590.304.435</b>	<b>539.902.277.282</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	572.525.372	25.912.344.503
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>784.017.779.063</b>	<b>513.989.932.779</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	759.537.304.020	516.788.866.217
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>24.480.475.043</b>	<b>(2.798.933.438)</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	9.292.950.595	20.019.718.793
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	6.269.427.898	6.070.687.497
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.269.319.018	5.008.716.970
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		28.892.461.752	25.124.422.860
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	45.507.578.833	51.411.823.530
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.888.880.658</b>	<b>(15.137.302.812)</b>
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	7.768.193.525	22.030.527.407
13.	Chi phí khác	32	VI.07	1.404.441.700	2.965.460.839
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>6.363.751.825</b>	<b>19.065.066.568</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>17.252.632.483</b>	<b>3.927.763.756</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.883.678.988	2.451.723.171
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	389.175.114	233.125.927
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>14.979.778.381</b>	<b>1.242.914.658</b>
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		17.871.181.356	1.092.983.214
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.891.402.975)	149.931.444
21.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.11</b>	<b>427</b>	<b>26</b>
22.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.12</b>	<b>427</b>	<b>26</b>

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**





Nguyễn Thị Giang Thanh

Lê Thị Ngọc

Nguyễn Đức Kiên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		807.116.564.263	583.340.223.537
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(793.002.434.526)	(496.494.617.204)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(51.649.252.410)	(39.339.335.683)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(8.356.399.642)	(5.009.420.974)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(237.770.187)	(3.431.002.235)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.294.098.922	25.832.919.360
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.058.553.405)	(43.946.970.943)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(56.893.746.984)</b>	<b>20.951.795.858</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.671.360.101)	(10.789.205.240)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		186.363.635	340.500.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80.908.963.283)	(23.557.011.738)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		33.186.473.793	17.762.852.147
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.712.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.920.322.833	67.618.718.577
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(23.287.163.123)</b>	<b>62.087.853.746</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		193.541.235.316	100.942.263.494
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(146.024.090.664)	(114.850.113.582)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.613.051.500)	(20.513.507.670)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>44.904.093.152</b>	<b>(34.421.357.758)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(35.276.816.956)</b>	<b>48.618.291.846</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>201.907.664.470</b>	<b>153.289.625.264</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(252.640)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>166.630.847.514</b>	<b>201.907.664.470</b>

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

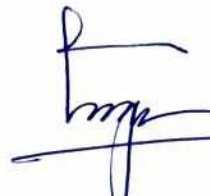
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Giang Thanh



Lê Thị Ngọc



Nguyễn Đức Kiên

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **Năm 2019**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện hành bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

**04. Cấu trúc doanh nghiệp****04.1 Thông tin về Công ty con**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2019
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	82,65%
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%

**04.2 Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh**

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2019
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê công	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Khu phố ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	(**)



## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

(\*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 5 năm 2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,00%.

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao vực vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27 tháng 2 năm 2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 69,07%.

(\*\*) Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao về dự án Đường 188 đoạn An Thái – Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội. Vốn góp của Tổng công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 22,03%.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết*

###### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.



## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### 04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

#### 07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí SXKD của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.





## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện theo từng công trình, hạng mục. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn tương ứng với phần doanh thu được nghiệm thu trong năm phản ánh trị giá vốn của giá thành xây lắp nghiệm thu thanh toán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### **18. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

##### **b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:**

###### **Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ Tổng Công ty phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm tài chính bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong Tổng Công ty.

###### **Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các Công ty con trong Tổng Công ty phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu Công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.542.650.572	1.233.681.274
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	133.948.196.942	102.444.433.239
- Các khoản tương đương tiền (*)	31.140.000.000	98.229.549.957
<b>Cộng</b>	<b><u>166.630.847.514</u></b>	<b><u>201.907.664.470</u></b>

(\*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,5%/năm.

**02. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn(*)	56.335.865.129	56.335.865.129	19.861.460.588	19.861.460.588
<b>Cộng</b>	<b><u>56.335.865.129</u></b>	<b><u>56.335.865.129</u></b>	<b><u>19.861.460.588</u></b>	<b><u>19.861.460.588</u></b>

(\*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,4%/năm.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****b. Đầu tư tài chính dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	<i>% sở hữu</i>	<i>% quyền biểu quyết</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị theo phương pháp vốn chủ</i>	<i>% sở hữu</i>	<i>% quyền biểu quyết</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị theo phương pháp vốn chủ</i>
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>			<b>167.622.649.354</b>	<b>182.991.548.501</b>			<b>167.622.649.354</b>	<b>170.353.313.777</b>
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	64,30	64,30	109.644.000.000	110.625.302.224	64,30	64,30	109.644.000.000	109.644.000.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	45,55	45,55	27.797.662.360	32.101.446.954	45,55	45,55	27.797.662.360	20.671.661.123
- Công ty TNHH BOT đường 188	22,03	22,03	17.844.300.000	29.093.275.057	22,03	22,03	17.844.300.000	29.266.143.571
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	49,00	49,00	12.336.686.994	11.171.524.266	49,00	49,00	12.336.686.994	10.771.509.083
<b>Cộng</b>			<b>167.622.649.354</b>	<b>182.991.548.501</b>			<b>167.622.649.354</b>	<b>170.353.313.777</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>6.671.375.950</b>		-			<b>6.671.375.950</b>		-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	16,16	16,16	1.807.850.307	(*)	-	16,16	16,16	1.807.850.307	(*)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	16,89	16,89	300.000.000	(*)	-	16,89	16,89	300.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số mười bảy Thăng Long	14,39	14,39	2.850.307.611	(*)	-	14,39	14,39	2.850.307.611	(*)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	15,00	15,00	1.713.218.032	(*)	-	15,00	15,00	1.713.218.032	(*)	-
<b>Cộng</b>			<b>6.671.375.950</b>		-			<b>6.671.375.950</b>		-

(\*): Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

Đơn vị tính: VND

Tên Công ty liên kết, liên doanh và nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm</b>	<b>16.254.227.028</b>	<b>46.305.261.270</b>
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	9.642.073.789	39.176.235.839
- Công ty TNHH BOT đường 188	6.612.153.239	7.129.025.431
<b>Doanh thu trong năm</b>	<b>18.471.827.047</b>	<b>847.147.591</b>
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	430.222.592	430.222.591
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long	419.220.000	416.925.000
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	17.622.384.455	-
<b>Chuyển tiền cho vay</b>	<b>1.438.845.190</b>	<b>17.857.011.738</b>
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	1.438.845.190	17.857.011.738
<b>Lãi từ cho vay tiền</b>	<b>1.326.058.305</b>	<b>425.255.906</b>
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	1.326.058.305	425.255.906

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>434.474.037.476</b>	<b>407.995.838.916</b>
- Ban quản lý dự án 7	27.267.925.965	33.738.541.965
- Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	25.421.063.239	25.421.063.239
- Khu quản lý giao thông đô thị số 3	-	5.287.753.000
- Ban quản lý dự án giao thông Nam Định	32.241.668.000	30.573.332.360
- Ban quản lý dự án hạ tầng Tả Ngạn ( đổi tên thành Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội)	38.442.073.616	60.117.964.530
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	23.516.768.826	5.077.943.432
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	287.584.537.830	247.779.240.390
<b>Cộng</b>	<b>434.474.037.476</b>	<b>407.995.838.916</b>

**b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>122.391.316.868</b>	<b>53.873.077.103</b>
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	23.516.768.826	5.077.943.432
- Công ty Cổ phần Tasco	98.598.058.339	48.321.888.820
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	276.489.703	473.244.851
<b>Cộng</b>	<b>122.391.316.868</b>	<b>53.873.077.103</b>

**04. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>313.595.730.807</b>	<b>309.948.622.670</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	61.350.798.446	57.730.061.892
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 8 Thăng Long	36.146.453.619	36.293.566.676
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Z1288	23.759.841.731	8.740.950.121
- Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số mười bảy Thăng Long	28.051.148.820	28.039.048.013
- Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Công nghệ Nam Anh	28.385.660.000	-
- Trả trước người bán khác	135.901.828.191	179.144.995.968
<b>Cộng</b>	<b>313.595.730.807</b>	<b>309.948.622.670</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Phải thu về cho vay**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-	3.437.147.853	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	-	-	3.437.147.853	-
<b>b. Dài hạn</b>	32.704.115.233	-	17.857.011.738	-
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh <sup>(a)</sup>	20.621.915.233	-	17.857.011.738	-
- Công ty TNHH Liên danh Ilsung & Cienco I <sup>(b)</sup>	12.082.200.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.704.115.233</b>	<b>-</b>	<b>21.294.159.591</b>	<b>-</b>

(a): Theo hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐVV/TLG-BOT ngày 01 tháng 4 năm 2018 thời hạn 96 tháng, lãi suất áp dụng theo lãi suất của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu tại thời điểm giải ngân.

(b): Là khoản cho Công ty TNHH Liên danh Ilsung & Cienco I vay để thực hiện thi công dự án: “Nâng cấp đường Quốc lộ 5 (Đoạn Thlea Ma’am – Battambang và Sri Sophorn - Poipet”).

**c. Phải thu về cho vay là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Dài hạn</b>				
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	20.621.915.233	-	17.857.011.738	-
<b>Cộng</b>	<b>20.621.915.233</b>	<b>-</b>	<b>17.857.011.738</b>	<b>-</b>

**06. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	74.830.003.916	-	70.302.246.653	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.082.626.919	-	10.082.626.919	-
- Tạm ứng	49.782.442.284	-	44.537.067.346	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.829.620.769	-	3.811.634.184	-
- Phải thu khác	12.135.313.944	-	11.870.918.204	-
+ Ban điều hành dự án	7.218.884.804	-	5.560.889.422	-
+ Các khoản phải thu khác	4.916.429.140	-	6.310.028.782	-
<b>Cộng</b>	<b>74.830.003.916</b>	<b>-</b>	<b>70.302.246.653</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	8.744.102.463	-	8.461.155.797	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	35.587.816.315	-	35.734.929.372	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	63.959.071.490	-	64.333.210.610	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	17.649.396.088	-	17.649.396.088	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số mười bảy Thăng Long	10.985.911.323	-	10.985.911.323	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	9.730.491.415	-	6.792.343.109	-
- Các đối tượng khác	4.209.264.417	878.475.098	4.701.506.285	3.500.000
<b>Cộng</b>	<b>150.866.053.511</b>	<b>878.475.098</b>	<b>148.658.452.584</b>	<b>3.500.000</b>

**08. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.409.406.708	-	2.835.365.377	-
- Công cụ, dụng cụ	209.468.363	-	1.236.094.814	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	152.922.002.606	-	135.931.381.827	-
- Hàng hoá	409.723.969	-	409.723.969	-
<b>Cộng</b>	<b>155.950.601.646</b>	<b>-</b>	<b>140.412.565.987</b>	<b>-</b>

**09. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>208.000.000</b>	<b>308.973.510</b>
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	104.328.590	308.973.510
- Sửa chữa lớn	103.671.410	-
<b>Cộng</b>	<b>208.000.000</b>	<b>308.973.510</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>57.711.685.110</i>	<i>93.444.886.400</i>	<i>22.757.254.818</i>	<i>2.731.594.667</i>	<i>176.645.420.995</i>
- Mua trong năm	-	982.167.273	232.000.000	-	1.214.167.273
- Đầu tư XDCB hoàn thành	457.192.828	-	-	-	457.192.828
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.344.471.200)	-	-	(3.344.471.200)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>58.168.877.938</i>	<i>91.082.582.473</i>	<i>22.989.254.818</i>	<i>2.731.594.667</i>	<i>174.972.309.896</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>33.300.187.271</i>	<i>81.146.971.229</i>	<i>17.183.036.609</i>	<i>2.084.878.502</i>	<i>133.715.073.611</i>
- Khấu hao trong năm	2.269.269.371	2.777.757.297	1.676.601.638	234.193.417	6.957.821.723
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.272.736.001)	-	-	(3.272.736.001)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>35.569.456.642</i>	<i>80.651.992.525</i>	<i>18.859.638.247</i>	<i>2.319.071.919</i>	<i>137.400.159.333</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>24.411.497.839</i>	<i>12.297.915.171</i>	<i>5.574.218.209</i>	<i>646.716.165</i>	<i>42.930.347.384</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>22.599.421.296</i>	<i>10.430.589.948</i>	<i>4.129.616.571</i>	<i>412.522.748</i>	<i>37.572.150.563</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 46.732.476.989 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 81.501.317.573 VND và 27.365.512.656 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	225.470.000	225.470.000
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	225.470.000	225.470.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	225.470.000	225.470.000
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	225.470.000	225.470.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là: 225.470.000 đồng.

**12. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	414.534.978	261.501.224
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	-	172.375.433
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	397.834.514	89.125.791
- Chi phí trả trước khác	16.700.464	-
<i>b. Dài hạn</i>	6.065.391.952	7.490.749.158
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	6.019.801.895	7.353.978.974
- Chi phí trả trước khác	45.590.057	136.770.185
<b>Cộng</b>	<b>6.479.926.930</b>	<b>7.752.250.382</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>56.602.414.829</b>	<b>56.602.414.829</b>	<b>195.076.226.312</b>	<b>147.944.631.797</b>	<b>103.734.009.344</b>	<b>103.734.009.344</b>
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>52.924.919.833</i>	<i>52.924.919.833</i>	<i>187.191.235.316</i>	<i>139.667.136.801</i>	<i>100.449.018.348</i>	<i>100.449.018.348</i>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Trung Hòa Nhân - Nhân Chính, PGD Trung Yên	4.176.900.000	4.176.900.000	1.289.500.000	5.466.400.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển VN - CN Nam Hà Nội <sup>(a)</sup>	-	-	21.531.868.673	-	21.531.868.673	21.531.868.673
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long <sup>(b)</sup>	-	-	11.496.069.313	-	11.496.069.313	11.496.069.313
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển VN - CN Tây Hồ <sup>(c)</sup>	28.334.234.739	28.334.234.739	99.597.522.434	88.428.806.874	39.502.950.299	39.502.950.299
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Huế <sup>(d)</sup>	20.413.785.094	20.413.785.094	53.276.274.896	45.771.929.927	27.918.130.063	27.918.130.063
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>697.494.996</i>	<i>697.494.996</i>	<i>1.434.990.996</i>	<i>697.494.996</i>	<i>1.434.990.996</i>	<i>1.434.990.996</i>
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - SGD <sup>(f)</sup>	597.495.000	597.495.000	244.991.000	597.495.000	244.991.000	244.991.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội <sup>(g)</sup>	99.999.996	99.999.996	99.999.996	99.999.996	99.999.996	99.999.996
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ <sup>(h)</sup>	-	-	1.090.000.000	-	1.090.000.000	1.090.000.000
<i>Vay đối tượng khác</i>	<i>2.980.000.000</i>	<i>2.980.000.000</i>	<i>6.450.000.000</i>	<i>7.580.000.000</i>	<i>1.850.000.000</i>	<i>1.850.000.000</i>
- Vay cán bộ công nhân viên <sup>(e)</sup>	2.980.000.000	2.980.000.000	6.450.000.000	7.580.000.000	1.850.000.000	1.850.000.000

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>2.992.783.208</b>	<b>2.992.783.208</b>	<b>5.450.000.000</b>	<b>5.064.449.863</b>	<b>3.378.333.345</b>	<b>3.378.333.345</b>
<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>2.992.783.208</b>	<b>2.992.783.208</b>	<b>5.450.000.000</b>	<b>5.064.449.863</b>	<b>3.378.333.345</b>	<b>3.378.333.345</b>
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>2.992.783.208</b>	<b>2.992.783.208</b>	<b>5.450.000.000</b>	<b>5.064.449.863</b>	<b>3.378.333.345</b>	<b>3.378.333.345</b>
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Sở giao dịch <sup>(f)</sup>	244.991.000	244.991.000	-	244.991.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hà Nội <sup>(g)</sup>	208.333.341	208.333.341	-	99.999.996	108.333.345	108.333.345
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tây Hồ <sup>(h)</sup>	-	-	5.450.000.000	2.180.000.000	3.270.000.000	3.270.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long <sup>(i)</sup>	2.539.458.867	2.539.458.867	-	2.539.458.867	-	-
<b>Cộng</b>	<b>59.595.198.037</b>	<b>59.595.198.037</b>	<b>200.526.226.312</b>	<b>153.009.081.660</b>	<b>107.112.342.689</b>	<b>107.112.342.689</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng số 11952.19.054.1368337.TD ngày 18 tháng 04 năm 2019, để cấp tín dụng phục vụ hoạt động thi công xây lắp của khách hàng. Hạn mức tín dụng là 75.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 12 tháng 04 năm 2020, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ/ Khoản phải thu đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai từ phương án MB tài trợ.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng số 01/2019/161762/HĐTĐ ngày 14 tháng 08 năm 2019, để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C, hạn mức tín dụng là 270.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 30 tháng 07 năm 2020, lãi vay trong năm từ 7,8%/năm đến 8,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng cầm cố tiền gửi số: 01/2017/161762/HĐBĐ và các Hợp đồng bảo đảm khác.

(c) Là khoản vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/134637/HĐTĐ ngày 30 tháng 11 năm 2019. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC lần lượt là 50 tỷ VND và 130 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/07/2020, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản hình thành từ nguồn vốn vay trên.



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (d) Là khoản vay của ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Huế theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUE/19025 ngày 28 tháng 10 năm 2019 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất thi công công trình xây dựng. Hạn mức cho vay và tương đương cho vay là 35 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh là 40 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày hợp đồng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 169582556 thuộc quyền sở hữu / sử dụng của Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long và các quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thầu phụ.
- (e) Khoản vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tín chấp.
- (f) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Sở giao dịch dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 48 tháng, lãi suất 8,5% - 10,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (g) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 48 tháng. Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 7,9%/năm sau đó điều chỉnh theo quy định của hợp đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (h) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/134637/HĐTD ngày 30 tháng 11 năm 2019 để đầu tư mua sắm tài sản cố định với thời hạn 60 tháng, lãi suất 10,3%/năm điều chỉnh 06 tháng một lần.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền thu từ khối lượng các công trình, nguồn vốn khấu hao tài sản, thiết bị và các nguồn thu hợp pháp khác, lãi suất điều chỉnh qua từng thời kỳ theo quy định của ngân hàng.

**14. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>311.496.178.012</b>	<b>311.496.178.012</b>	<b>289.202.105.007</b>	<b>289.202.105.007</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng Thăng	45.140.341.134	45.140.341.134	15.726.434.290	15.726.434.290
- Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long	25.393.450.089	25.393.450.089	35.948.931.357	35.948.931.357
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	240.962.386.789	240.962.386.789	237.526.739.360	237.526.739.360
<b>Cộng</b>	<b>311.496.178.012</b>	<b>311.496.178.012</b>	<b>289.202.105.007</b>	<b>289.202.105.007</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>251.173.331.231</b>	<b>251.173.331.231</b>	<b>245.562.801.169</b>	<b>245.562.801.169</b>
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	24.083.127.665	24.083.127.665	-	-
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	30.217.810.764	30.217.810.764	-	-
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội	-	-	16.452.307.092	16.452.307.092
- Khu quản lý giao thông đô thị số 01	3.887.711.255	3.887.711.255	5.603.961.024	5.603.961.024
- Khu quản lý giao thông đô thị số 02	20.351.353.484	20.351.353.484	17.234.169.484	17.234.169.484
- Ban quản lý dự án xây dựng giao thông Bắc Ninh	68.154.578.623	68.154.578.623	50.331.634.000	50.331.634.000
- Ban Quản lý dự án khu vực các công trình giao thông vận tải	-	-	23.550.538.100	23.550.538.100
- Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	8.254.748.000	8.254.748.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Công ty TNHH Liên danh Ilsung & Cienco I	39.964.200.000	39.964.200.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	56.259.801.440	56.259.801.440	90.390.191.469	90.390.191.469
<b>Cộng</b>	<b>251.173.331.231</b>	<b>251.173.331.231</b>	<b>245.562.801.169</b>	<b>245.562.801.169</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	10.603.123.423	2.527.602.216	9.540.989.793	9.672.402.606	10.959.731.618	2.752.797.598
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	872.109.483	2.910.078.027	1.883.678.988	237.770.187	872.109.483	4.555.986.828
- Thuế thu nhập cá nhân	-	122.134.860	885.784.164	857.035.080	-	150.883.944
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.978.111.758	3.976.601.484	1	1.510.275
- Các loại thuế khác	-	17.756.117	69.946.300	29.982.100	-	57.720.317
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	1.075.829.771	153.049.694	153.049.694	-	1.075.829.771
<b>Cộng</b>	<b>11.475.232.906</b>	<b>6.653.400.991</b>	<b>16.511.560.697</b>	<b>14.926.841.151</b>	<b>11.831.841.102</b>	<b>8.594.728.733</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>17. Chi phí phải trả</b>		
<i>Ngắn hạn</i>	<b>6.017.058.958</b>	<b>14.991.026.792</b>
- Chi phí thi công công trình	6.017.058.958	14.972.844.974
- Các khoản trích trước khác	-	18.181.818
<b>Cộng</b>	<b>6.017.058.958</b>	<b>14.991.026.792</b>
<b>18. Doanh thu chưa thực hiện</b>		
<i>Ngắn hạn</i>	<b>1.020.474.798</b>	<b>995.037.855</b>
- Doanh thu nhận trước	1.020.474.798	995.037.855
<b>Cộng</b>	<b>1.020.474.798</b>	<b>995.037.855</b>
<b>19. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>68.489.881.475</b>	<b>75.496.703.934</b>
- Kinh phí công đoàn	369.792.865	401.938.389
- Bảo hiểm xã hội	648.649.878	1.426.555.767
- Bảo hiểm y tế	104.542.591	52.686.240
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.008.621	30.579.355
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	460.616.900	3.021.081.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	66.894.270.620	70.563.863.183
+ <i>Đội thi công công trình</i>	45.182.886.843	46.869.994.094
+ <i>Cục thuế TP Hà Nội</i>	3.314.447.469	3.295.617.952
+ <i>Các đối tượng khác</i>	18.396.936.308	20.398.251.137
<i>b. Dài hạn</i>	<b>44.925.903.177</b>	<b>41.688.549.125</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.925.903.177	41.688.549.125
+ <i>Công ty TNHH BOT đường 188</i>	10.672.710.502	9.133.763.741
+ <i>Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh</i>	34.253.192.675	32.554.785.384
<b>Cộng</b>	<b>113.415.784.652</b>	<b>117.185.253.059</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	-	<b>21.940.440.513</b>	<b>46.605.492.887</b>	<b>21.423.771.713</b>	<b>561.132.381.658</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.092.983.214	149.931.444	1.242.914.658
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	(21.417.795.883)	-	(21.417.795.883)
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty con	-	-	-	-	133.667.847	(191.351.964)	(411.713.351)	(469.397.468)
Giảm khác	-	-	-	-	(534.310.871)	-	(10.085.537.318)	(10.619.848.189)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	-	<b>21.539.797.489</b>	<b>26.089.328.254</b>	<b>11.076.452.488</b>	<b>529.868.254.776</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	-	<b>21.539.797.489</b>	<b>26.089.328.254</b>	<b>11.076.452.488</b>	<b>529.868.254.776</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	17.871.181.356	(2.891.402.975)	14.979.778.381
Tăng khác(*)	-	-	-	119.179	-	-	-	119.179
Phân phối lợi nhuận trong năm nay tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm nay tại Công ty con	-	-	-	-	7.557.648	(7.557.648)	(87.500.000)	(87.500.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	<b>119.179</b>	<b>21.547.355.137</b>	<b>43.952.951.962</b>	<b>8.097.549.513</b>	<b>544.760.652.336</b>

(\*): Chênh lệch chuyển đổi báo cáo tài chính Chi nhánh từ đồng ngoại tệ sang Việt Nam đồng.



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	105.000.000.000	25,055	105.000.000.000	25,055
- Vốn góp của các cổ đông khác	314.080.000.000	74,945	314.080.000.000	74,945
<b>Cộng</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>100</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	419.080.000.000	419.080.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	419.080.000.000	419.080.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	20.926.850.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	20.926.850.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	41.908.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	41.908.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41.908.000</i>	<i>41.908.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.300	54.300
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>54.300</i>	<i>54.300</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.853.700	41.853.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41.853.700</i>	<i>41.853.700</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Tổng Công ty**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	21.547.355.137	21.539.797.489
<b>Cộng</b>	<b>21.547.355.137</b>	<b>21.539.797.489</b>

**21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất****Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	143,77	10.996,05
- JPY	24.109,00	47.792,00

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	757.232.858.124	506.483.880.780
- Doanh thu các hoạt động khác	27.357.446.311	33.418.396.502
<b>Cộng</b>	<b>784.590.304.435</b>	<b>539.902.277.282</b>

	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Tasco	208.350.325.291	44.124.260.700
<b>Cộng</b>	<b>208.350.325.291</b>	<b>44.124.260.700</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	572.525.372	25.912.344.503
<b>Cộng</b>	<b>572.525.372</b>	<b>25.912.344.503</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	744.960.797.907	505.412.260.919
- Giá vốn các hoạt động khác	14.576.506.113	11.376.605.298
<b>Cộng</b>	<b>759.537.304.020</b>	<b>516.788.866.217</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.292.950.595	11.894.029.871
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.936.994.438
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	188.694.484
<b>Cộng</b>	<b>9.292.950.595</b>	<b>20.019.718.793</b>

**05. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.269.319.018	5.008.716.970
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	4.706.800.001
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	108.620	252.640
- Trích lập (hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết và công ty khác	-	(3.645.082.114)
- Các khoản chi phí tài chính khác	260	-
<b>Cộng</b>	<b>6.269.427.898</b>	<b>6.070.687.497</b>

**06. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	523.719.346	316.772.728
- Khoản hỗ trợ di dời DA ĐTXD	4.346.347.000	3.310.000.000
- Nhận tài sản cố định từ hợp tác đầu tư	37.956.819	16.228.095.821
- Tiền phạt thu được	1.734.829.557	-
- Các khoản khác	1.125.340.803	2.175.658.858
<b>Cộng</b>	<b>7.768.193.525</b>	<b>22.030.527.407</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	647.868.942
- Tiền phạt vi phạm hành chính	201.663.936	341.628.161
- Bồi thường khi thi công BOT Yên Lệnh	462.237.557	-
- Tiền thù lao HĐQT và Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	494.231.500	-
- Các khoản khác	246.308.707	1.975.963.736
<b>Cộng</b>	<b>1.404.441.700</b>	<b>2.965.460.839</b>

**08. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>45.507.578.833</b>	<b>51.411.823.530</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	24.199.564.366	27.482.629.633
- Chi phí vật liệu quản lý	142.859.658	296.132.195
- Chi phí đồ dùng văn phòng	232.862.578	1.257.686.267
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.288.460.562	1.169.654.361
- Thuế, phí và lệ phí	778.962.272	124.754.998
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.706.257.135	12.192.960.669
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.969.811.512	3.791.695.478
- Chi phí dự phòng	4.188.800.750	5.096.309.929
<b>Cộng</b>	<b>45.507.578.833</b>	<b>51.411.823.530</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.415.693.268	2.451.723.171
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	467.985.720	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.883.678.988</b>	<b>2.451.723.171</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(5.059.527)	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	394.234.641	233.125.927
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>389.175.114</b>	<b>233.125.927</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	17.871.181.356	1.092.983.214
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.871.181.356	1.092.983.214
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.853.700	41.853.700
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>427</b>	<b>26</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	17.871.181.356	1.092.983.214
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.871.181.356	1.092.983.214
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.853.700	41.853.700
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>427</b>	<b>26</b>

**13. Chi phí theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.127.967.257	148.738.050.905
- Chi phí nhân công	58.145.261.755	57.534.786.067
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.957.821.723	8.641.394.892
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.482.981.658	118.324.645.228
- Chi phí khác bằng tiền	27.633.872.589	26.939.345.327
- Chi phí thuê phụ	603.866.681.390	278.433.445.778
- Chi phí trích lập dự phòng	4.188.800.750	5.096.309.929
<b>Cộng</b>	<b>977.403.387.122</b>	<b>643.707.978.126</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	3.081.824.490	4.672.769.978
<b>Cộng</b>	<b>3.081.824.490</b>	<b>4.672.769.978</b>



## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ phần Tasco	Cổ đông nắm giữ 35,4% vốn điều lệ
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH Kết cấu Thép Mitsui Thăng Long	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Công ty liên doanh

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục V.02, VI.01, không còn các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03 và V.05, không còn các công nợ nào khác với các bên liên quan khác.

### **03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

#### ***Lĩnh vực kinh doanh:***

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Lĩnh vực 1: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Lĩnh vực 2: Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, thuê văn phòng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	<u>Lĩnh vực 1</u>	<u>Lĩnh vực 2</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	756.660.332.752	27.357.446.311	784.017.779.063
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	758.076.686.488	15.052.211.917	773.128.898.405
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>(1.416.353.736)</b>	<b>12.305.234.394</b>	<b>10.888.880.658</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	9.479.025.428	308.176.203	9.787.201.631
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.711.703.668	1.997.047.977	17.708.751.645
<b>Số dư cuối năm nay</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	926.804.389.572	14.998.669.401	941.803.058.973
- Tài sản không phân bổ			412.629.637.094
<b>Tổng tài sản</b>	<b>926.804.389.572</b>	<b>14.998.669.401</b>	<b>1.354.432.696.067</b>
- Nợ phải trả bộ phận	801.082.571.229	4.884.732.479	805.967.303.708
- Nợ phải trả không phân bổ			3.704.740.023
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>801.082.571.229</b>	<b>4.884.732.479</b>	<b>809.672.043.731</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Lĩnh vực 1</u>	<u>Lĩnh vực 2</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm trước</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	480.571.536.277	33.418.396.502	513.989.932.779
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	516.948.636.284	12.178.599.307	529.127.235.591
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>(36.377.100.007)</b>	<b>21.239.797.195</b>	<b>(15.137.302.812)</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	23.563.943.669	1.023.665.720	24.587.609.389
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.383.726.632	2.314.395.140	16.698.121.772
<b>Số dư cuối năm trước</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	861.452.413.088	18.805.207.028	880.257.620.116
- Tài sản không phân bổ			398.793.814.785
<b>Tổng tài sản</b>	<b>861.452.413.088</b>	<b>18.805.207.028</b>	<b>1.279.051.434.901</b>
- Nợ phải trả bộ phận	734.376.823.996	9.941.837.106	744.318.661.102
- Nợ phải trả không phân bổ			4.864.519.023
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>734.376.823.996</b>	<b>9.941.837.106</b>	<b>749.183.180.125</b>

**Khu vực địa lý :**

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam .

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.630.847.514	-	201.907.664.470	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	456.691.978.339	(149.987.578.413)	429.949.384.039	(148.654.952.584)	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	32.704.115.233	-	3.437.147.853	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.335.865.129	-	19.861.460.588	-	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>712.362.806.215</b>	<b>(149.987.578.413)</b>	<b>655.155.656.950</b>	<b>(148.654.952.584)</b>		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	311.496.178.012	289.202.105.007	(*)	(*)
Vay và nợ	107.112.342.689	59.595.198.037	(*)	(*)
Chi phí phải trả	6.017.058.958	14.991.026.792	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	112.280.790.697	115.273.493.308	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>536.906.370.356</b>	<b>479.061.823.144</b>		

(\*): Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Tổng Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	311.496.178.012	-	-	311.496.178.012
Vay và nợ	103.734.009.344	3.378.333.345	-	107.112.342.689
Chi phí phải trả	6.017.058.958	-	-	6.017.058.958
Các khoản phải trả khác	67.354.887.520	44.925.903.177	-	112.280.790.697
<b>Cộng</b>	<b>488.602.133.834</b>	<b>48.304.236.522</b>	-	<b>536.906.370.356</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	289.202.105.007	-	-	289.202.105.007
Vay và nợ	56.602.414.829	2.992.783.208	-	59.595.198.037
Chi phí phải trả	14.991.026.792	-	-	14.991.026.792
Các khoản phải trả khác	73.584.944.183	41.688.549.125	-	115.273.493.308
<b>Cộng</b>	<b>434.380.490.811</b>	<b>44.681.332.333</b>	-	<b>479.061.823.144</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thị Giang Thanh**

**Kế toán trưởng**

**Lê Thị Ngọc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Đức Kiên**

